



We support you!

Thói quen, hoạt động thường ngày
I/you/we/they + V
He/she/ it + V s/es



I watch TV **every day**.
She **often** watches TV.
He eats soup **twice a day**.



Nói về chuyện **ĐÃ** xảy ra
(hôm qua, ngày trước, tuần trước,...)
S + V-ed hoặc em thứ 2

V-ed: played, watched, chatted,..
Em thứ 2: eat-> ate (ate là em, eat là anh)



I watched TV **yesterday**.
She played badminton **last Monday**.
He ate chicken soup **last week**.



Khi kể về hành
động đã xảy ra,
nhớ đổi sang
động từ "em"
nhé



ANH

EM

go	→	went
do	→	did
have	→	had
eat	→	ate
sing	→	sang
drink	→	drank
see	→	saw
swim	→	swam



Okay, giờ mình cùng luyện tập
cách sử dụng qua câu chuyện
dưới đây nhé



I eat/ ate bread.



I play/ played with friends.



I chat/ chatted with Giang.



I go/ went to Phu Quoc Island.



Yesterday, I....



I enjoy/ enjoyed the party.

LIVELIVEWORKSHEETS

Điền động từ đúng vào ô trống (xem lại bảng anh- em ở trang 2)

1. What did you eat yesterday?

(Bạn đã ăn gì ngày hôm qua?)

=> I _____

2. What subjects did you have last Monday?

=> I _____ (Mình có môn khoa học)

3. What did you do last week?

=> I _____ karaoke.

4. What did you do last Holiday?

=> I _____ in the sea .



yesterday



last Monday



last week



last holiday

LIVEWORKSHEETS